

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **8595**/UBND-NC

Tiền Giang, ngày **28** tháng 12 năm 2023

Về việc cập nhật danh sách  
cá nhân, tổ chức giám định tư  
pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện Luật Giám định tư pháp, trong năm 2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang Quyết định bổ nhiệm 01 Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực Pháp y, Sở Y tế; 07 Giám định viên nghỉ hưu và 03 Giám định viên chuyên công tác.

Căn cứ quy định tại Điều 9 và khoản 1 Điều 20 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, báo cáo Bộ Tư pháp lập danh sách chung về giám định viên tư pháp.

(Đính kèm Danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang). *T.Y.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục Hỗ trợ tư pháp – Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP Toàn, P.NC Năm;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC(Quốc).

2

**KT. CHỦ TỊCH *moan***  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Thành Diệu*

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TỰ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG

(Kèm theo Công văn số **8595** /UBND-NC ngày **28** tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Ngày, tháng, năm bổ nhiệm | Số thẻ/<br>Ngày, tháng, năm cấp thẻ        | Lĩnh vực giám<br>định/Chuyên ngành<br>giám định | Nơi công tác | Ghi chú                         |
|-----|------------------------|-----------------------|---------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|
| 01  | Nguyễn Văn Dương       | 03/12/1967            | 25/6/1992                 | 520029/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                          | Sở Y tế      |                                 |
| 02  | Nguyễn Vương Kiểm Bình | 20/12/1962            | 28/12/1991                | 520036/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                          |              | Nghỉ hưu năm 2023               |
| 03  | Võ Văn Hùng            | 09/10/1961            | 25/6/1992                 | 520037/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                          |              | Nghỉ hưu năm 2023               |
| 04  | Ngô Trọng Nghĩa        | 01/11/1965            | 25/6/1992                 | 520038/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                          |              |                                 |
| 05  | Nguyễn Văn Trắng       | 16/01/1965            | 25/6/1992                 | 520039/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                          |              |                                 |
| 06  | Lê Phong Vũ            | 20/6/1964             | 25/6/1992                 | 520040/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                          |              | Nghỉ hưu trước tuổi<br>năm 2023 |
| 07  | Nguyễn Văn Thành       | 01/02/1964            | 28/11/1998                | 520041/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                          |              |                                 |
| 08  | Nguyễn Ngọc Vinh       | 17/3/1970             | 01/8/2006                 | 520042/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                          |              |                                 |
| 09  | Cao Xuân Thanh         | 27/7/1968             | 01/8/2006                 | 520043/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                          |              |                                 |
| 10  | Trần Việt Tuấn         | 05/10/1964            | 01/8/2006                 | 520044/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                          |              |                                 |
| 11  | Lê Văn Quang           | 06/02/1962            | 28/11/1998                | 520045/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                          |              | Nghỉ hưu năm 2022               |
| 12  | Nguyễn Thanh Sơn       | 15/5/1962             | 01/8/2006                 | 520046/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                          |              | Nghỉ hưu năm 2022               |





| STT | Họ và tên        | Ngày, tháng, năm sinh | Ngày, tháng, năm bổ nhiệm | Số thẻ/<br>Ngày, tháng, năm cấp thẻ        | Lĩnh vực giám định/Chuyên ngành giám định | Nơi công tác                            | Ghi chú               |
|-----|------------------|-----------------------|---------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------|
| 13  | Nguyễn Văn Bé    | 08/11/1961            | 28/11/1998                | 520047/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                    | Sở Y tế                                 | Nghỉ hưu năm 2022     |
| 14  | Đặng Thành Chung | 28/7/1963             | 28/12/1991                | 520048/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                    |                                         |                       |
| 15  | Nguyễn Vũ Phương | 28/12/1973            | 09/11/2017                | 520030/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                    | Trung tâm Pháp y, Sở Y tế               |                       |
| 16  | Nguyễn Văn Kha   | 1984                  | 23/8/2019                 | 520031/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                    |                                         |                       |
| 17  | Bùi Thanh Việt   | 11/9/1991             | 17/8/2022                 | 520069/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 17/8/2022 | Pháp y                                    |                                         |                       |
| 18  | Nguyễn Kiến Ái   | 19/4/1990             | 31/8/2023                 | 520079/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 12/9/2023 | Pháp y                                    |                                         | Bổ nhiệm mới năm 2023 |
| 19  | Nguyễn Văn Minh  | 05/05/1954            | 25/6/1992                 | 520032/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                    |                                         | Nghỉ hưu (HĐLĐ)       |
| 20  | Lê Văn Minh      | 1959                  | 25/6/1992                 | 520033/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                    |                                         | Nghỉ hưu (HĐLĐ)       |
| 21  | Đặng Văn Hoàng   | 01/6/1959             | 28/11/1998                | 520034/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                    | Phòng Kỹ thuật hình sự,<br>Công an tỉnh | Nghỉ hưu (HĐLĐ)       |
| 22  | Phạm Công Trục   | 28/12/1959            | 28/12/1991                | 520035/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                    |                                         | Nghỉ hưu (HĐLĐ)       |
| 23  | Nguyễn Văn Ngon  | 01/7/1966             | 28/9/2010;<br>18/12/2017  | 520049/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Dấu vết đường vân;<br>Tài liệu            |                                         |                       |
| 24  | Nguyễn Văn Tường | 05/4/1965             | 09/4/2007                 | 520050/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y; Sinh học                          | Phòng Kỹ thuật hình sự,<br>Công an tỉnh | Nghỉ chờ hưu          |
| 25  | Nguyễn Văn Lượm  | 30/12/1967            | 09/02/2017                | 520051/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Tài liệu                                  |                                         |                       |
| 26  | Võ Văn Tư        | 01/07/1967            | 09/02/2017                | 520052/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Tài liệu; Kỹ thuật                        |                                         |                       |
| 27  | Phạm Hữu Thuận   | 13/01/1973            | 09/02/2017                | 520053/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Dấu vết đường vân                         |                                         | Chuyển công tác       |



| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Ngày, tháng, năm bổ nhiệm | Số thẻ/<br>Ngày, tháng, năm cấp thẻ        | Lĩnh vực giám định/Chuyên ngành giám định              | Nơi công tác                            | Ghi chú         |
|-----|----------------------|-----------------------|---------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------|
| 28  | Nguyễn Bá Tường      | 02/7/1976             | 09/4/2007;<br>05/6/2009   | 520054/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Dấu vết cơ học;<br>Tài liệu                            | Phòng Kỹ thuật hình sự,<br>Công an tỉnh |                 |
| 29  | Sử Khắc Hiếu         | 27/6/1979             | 28/9/2010                 | 520055/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Kỹ thuật                                               |                                         |                 |
| 30  | Nguyễn Hòa Mãi       | 10/12/1975            | 01/4/2010;<br>29/7/2020   | 520056/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Dấu vết đường vân; Cháy, nổ                            |                                         |                 |
| 31  | Trà Thanh Hải        | 15/6/1976             | 30/9/2011                 | 520057/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Dấu vết đường vân                                      |                                         | Chuyển công tác |
| 32  | Nguyễn Thị Trinh     | 17/3/1978             | 09/8/2013                 | 520058/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Dấu vết đường vân                                      |                                         |                 |
| 33  | Nguyễn Thanh Trường  | 27/7/1969             | 16/12/2014                | 520059/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Hóa học                                                |                                         |                 |
| 34  | Nguyễn Văn Út        | 15/10/1984            | 14/8/2018                 | 520060/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Tài liệu                                               |                                         |                 |
| 35  | Nguyễn Văn Tuấn Hùng | 20/9/1987             | 14/8/2018                 | 520061/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Kỹ thuật số và điện tử                                 |                                         |                 |
| 36  | Nguyễn Thị Kiều Linh | 15/10/1988            | 23/10/2019                | 520062/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Hóa học                                                |                                         |                 |
| 37  | Phạm Thành Hưng      | 26/9/1982             | 29/7/2020                 | 520063/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Kỹ thuật số và điện tử                                 |                                         |                 |
| 38  | Nguyễn Gia Phú       | 11/01/1989            | 29/7/2020                 | 520064/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Dấu vết đường vân                                      |                                         |                 |
| 39  | Võ Văn Trắng         | 16/7/1971             | 30/9/2011                 | 520065/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Pháp y                                                 |                                         |                 |
| 40  | Nguyễn Ngọc Quang    | 06/3/1974             | 09/4/2007;<br>31/3/2021   | 520004/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 31/3/2021 | Tài liệu; Kỹ thuật                                     |                                         |                 |
| 41  | Võ Minh Trường       | 25/4/1989             | 06/9/2018;<br>31/3/2021   | 520005/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 31/3/2021 | Tài liệu; Dấu vết đường vân; Dấu vết cơ học; Súng, đạn |                                         |                 |
| 42  | Huỳnh Thị Diệu Hương | 09/12/1991            | 31/3/2021                 | 520006/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 31/3/2021 | Hóa học                                                |                                         |                 |



| STT | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Ngày, tháng, năm bổ nhiệm | Số thẻ/<br>Ngày, tháng, năm cấp thẻ         | Lĩnh vực giám định/Chuyên ngành giám định   | Nơi công tác                            | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------|---------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
| 43  | Nguyễn Văn Nha      | 24/9/1980             | 06/10/2022                | 520076/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 06/10/2022 | Dấu vết cơ học                              | Phòng Kỹ thuật hình sự,<br>Công an tỉnh |         |
| 44  | Huỳnh Tấn Liều      | 02/12/1983            | 06/10/2022                | 520077/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 06/10/2022 | Hóa học                                     |                                         |         |
| 45  | Vũ Khắc Hiệp        | 26/01/1989            | 26/10/2022                | 520078/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 26/10/2022 | Pháp y                                      |                                         |         |
| 46  | Nguyễn Tiến Diệt    | 01/01/1977            | 18/3/2021                 | 520001/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 18/3/2021  | Thủy sản                                    | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  |         |
| 47  | Nguyễn Thành Biểu   | 30/5/1978             | 18/3/2021                 | 520002/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 18/3/2021  | Trồng trọt và bảo vệ thực vật               |                                         |         |
| 48  | Lý Hùng             | 24/01/1984            | 18/3/2021                 | 520003/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 18/3/2021  | Trồng trọt và bảo vệ thực vật               |                                         |         |
| 49  | Nguyễn Thị Hoàng Mỹ | 12/3/1977             | 31/5/2021                 | 520007/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 31/5/2021  | Chăn nuôi và thú y                          |                                         |         |
| 50  | Phạm Thanh Nhã      | 05/4/1982             | 07/3/2017                 | 520022/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021  | Thủy lợi                                    |                                         |         |
| 51  | Nguyễn Phương Nhung | 06/5/1980             | 07/3/2017                 | 520023/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021  | Lâm nghiệp                                  |                                         |         |
| 52  | Hồ Huỳnh Mai        | 15/12/1974            | 07/3/2017                 | 520024/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021  | Chăn nuôi và Thú y                          |                                         |         |
| 53  | Nguyễn Đức Thịnh    | 08/4/1980             | 07/3/2017                 | 520025/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021  | Thủy lợi                                    |                                         |         |
| 54  | Đoàn Hữu Văn Thơ    | 15/02/1975            | 07/3/2017                 | 520026/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021  | Phát triển nông thôn                        |                                         |         |
| 55  | Nguyễn Minh Hiếu    | 30/10/1977            | 07/3/2017                 | 520027/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021  | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản |                                         |         |
| 56  | Võ Quốc Cường       | 01/5/1971             | 07/3/2017                 | 520028/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021  | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  |         |
| 57  | Võ Thành Hiến       | 02/01/1969            | 26/8/2020                 | 520008/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021  | Kế toán, kiểm toán                          |                                         |         |



| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Ngày, tháng, năm bổ nhiệm | Số thẻ/<br>Ngày, tháng, năm cấp thẻ        | Lĩnh vực giám định/Chuyên ngành giám định                               | Nơi công tác                 | Ghi chú         |
|-----|-----------------------|-----------------------|---------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------|
| 58  | Nguyễn Công Trứ       | 02/02/1978            | 26/8/2020                 | 520009/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Kế toán, kiểm toán                                                      | Sở Tài chính                 |                 |
| 59  | Nguyễn Thị Thanh Hiền | 20/12/1989            | 26/9/2022                 | 520075/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 26/9/2022 | Kế toán, kiểm toán                                                      |                              |                 |
| 60  | Nguyễn Văn Đậm        | 01/01/1977            | 07/6/2012                 | 520010/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Hệ thống thông tin                                                      | Sở Thông tin và Truyền thông |                 |
| 61  | Phạm Bửu Ngọc         | 12/3/1968             | 18/8/2017                 | 520011/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Báo chí                                                                 |                              |                 |
| 62  | Đinh Thanh Trung      | 02/3/1974             | 18/8/2017                 | 520012/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Viễn thông                                                              |                              |                 |
| 63  | Võ Văn Sang           | 01/6/1982             | 08/9/2022                 | 520070/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 08/9/2022 | Công nghệ thông tin                                                     |                              |                 |
| 64  | Nguyễn Minh Sang      | 06/8/1975             | 08/9/2022                 | 520071/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 08/9/2022 | Viễn thông                                                              |                              |                 |
| 65  | Nguyễn Thanh Phúc     | 20/10/1987            | 08/9/2022                 | 520072/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 08/9/2022 | Công nghệ thông tin                                                     |                              |                 |
| 66  | Trần Thị Anh Thư      | 10/10/1985            | 08/9/2022                 | 520073/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 08/9/2022 | Báo chí                                                                 |                              | Chuyển công tác |
| 67  | Lê Thành Đố           | 11/3/1984             | 08/9/2022                 | 520074/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 08/9/2022 | Xuất bản                                                                |                              |                 |
| 68  | Võ Trung Hiếu         | 14/5/1982             | 18/10/2013                | 520013/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Khoa học và Công nghệ                                                   | Sở Khoa học và Công nghệ     |                 |
| 69  | Lê Hồng Châu          | 30/10/1967            | 18/10/2013                | 520014/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Khoa học và Công nghệ                                                   |                              |                 |
| 70  | Tô Hoàng Duy          | 20/11/1979            | 07/6/2019                 | 520015/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Năng lượng nguyên tử                                                    |                              |                 |
| 71  | Lê Minh Dũng          | 12/10/1985            | 07/6/2019                 | 520016/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Công nghệ, thiết bị, máy móc                                            | Sở Khoa học và Công nghệ     |                 |
| 72  | Huỳnh Trung Nghĩa     | 02/11/1982            | 07/6/2019                 | 520017/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa |                              |                 |
| 73  | Võ Thành Đồng         | 31/8/1968             | 13/10/2017                | 520018/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021 | Đất đai                                                                 |                              |                 |

| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Ngày, tháng, năm bổ nhiệm | Số thẻ/<br>Ngày, tháng, năm cấp thẻ          | Lĩnh vực giám định/Chuyên ngành giám định | Nơi công tác                                 | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
| 74  | Mai Văn Vàng         | 01/01/1987            | 13/10/2017                | 520019/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021   | Đất đai                                   | Sở Tài nguyên và Môi trường                  |         |
| 75  | Dương Quốc Lâm       | 16/10/1983            | 13/10/2017                | 520020/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021   | Môi trường                                |                                              |         |
| 76  | Phạm Thị Thanh Tuyền | 19/4/1980             | 13/10/2017                | 520021/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 19/8/2021   | Tài nguyên nước                           |                                              |         |
| 77  | Nguyễn Thanh Hải     | 13/9/1964             | 01/6/2022                 | 520067/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 01/6/2022   | Văn hóa                                   | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch              |         |
| 78  | Nguyễn Mạnh Thắng    | 12/02/1964            | 01/6/2022                 | 520068/GĐVTP/UBND-TG<br>Ngày cấp 01/6/2022   | Văn hóa                                   |                                              |         |
| 79  | Nguyễn Trí Nhân      | 9/18/1983             | 3/10/2016                 | Quyết định số 295/QĐ-NHNN<br>ngày 03/10/2016 | Hoạt động ngân hàng                       | Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tiền Giang |         |
| 80  | Lê Hoàng Kim Quyên   | 2/5/1974              | 3/10/2016                 | Quyết định số 295/QĐ-NHNN<br>ngày 03/10/2016 | Hoạt động ngân hàng                       |                                              |         |



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG  
(Kèm theo Công văn số **8595**/UBND-NC ngày **28** tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

| STT | Tên tổ chức giám định tư pháp                    | Chuyên ngành giám định | Địa chỉ trụ sở/Điện thoại liên hệ                                                                         | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 01  | Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Tiền Giang       | Pháp y                 | Địa chỉ: Số 3 đường Trương Định, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang<br>Điện thoại: 073. 3877806  |         |
| 02  | Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang | Kỹ thuật hình sự       | Địa chỉ: Số 152 đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang<br>Điện thoại: 0693599546 |         |



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG  
(Kèm theo Công văn số 8595/UBND-NC ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

I. LĨNH VỰC XÂY DỰNG

| STT | Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Lĩnh vực chuyên môn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                   | Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp | Đơn vị công tác/Địa chỉ liên hệ                                                                                                                           | Ghi chú |
|-----|-------------------|---------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                   |                     |           | Nội dung giám định tư pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Loại công trình giám định tư pháp |                                                                       |                                                                                                                                                           |         |
| 01  | Trương Phan Khánh | 30/02/1975          | Nam       | <div>- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng.</div> <div>- Chất lượng thiết kế xây dựng công trình.</div> <div>- Chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.</div> <div>- Chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.</div> | Dân dụng và công nghiệp           | Trên 07 năm                                                           | Trung tâm Kiến trúc – Quy hoạch và Tư vấn xây dựng Tiền Giang/ Số 79 Trưng Trắc, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.<br>Điện thoại: 0273.3979100 |         |

| STT | Họ và tên       | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Lĩnh vực chuyên môn                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                   | Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp | Đơn vị công tác/Địa chỉ liên hệ                                                                                                                           | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                 |                     |           | Nội dung giám định tư pháp                                                                                                                                                                                                                                                          | Loại công trình giám định tư pháp |                                                                       |                                                                                                                                                           |         |
| 02  | Nguyễn Xuân Sơn | 10/8/1979           | Nam       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất lượng thiết kế xây dựng công trình.</li> <li>- Chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.</li> <li>- Chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.</li> </ul> | Dân dụng và công nghiệp           | Trên 07 năm                                                           | Trung tâm Kiến trúc – Quy hoạch và Tư vấn xây dựng Tiền Giang/ Số 79 Trưng Trắc, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.<br>Điện thoại: 0273.3979100 |         |
| 03  | Bùi Quốc Dũng   | 19/01/1980          | Nam       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất lượng thiết kế xây dựng công trình.</li> <li>- Chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.</li> <li>- Chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.</li> </ul> | Dân dụng                          | Trên 07 năm                                                           | - nt -                                                                                                                                                    |         |



| STT | Họ và tên        | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Lĩnh vực chuyên môn                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                           | Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp | Đơn vị công tác/Địa chỉ liên hệ                                                                                                                           | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                  |                     |           | Nội dung giám định tư pháp                                                                                                                                                                                                                                                          | Loại công trình giám định tư pháp         |                                                                       |                                                                                                                                                           |         |
| 04  | Trần Văn Hoàng   | 27/6/1969           | Nam       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất lượng thiết kế xây dựng công trình.</li> <li>- Chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.</li> <li>- Chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.</li> </ul> | Dân dụng và công nghiệp                   | Trên 07 năm                                                           | Trung tâm Kiến trúc – Quy hoạch và Tư vấn xây dựng Tiền Giang/ Số 79 Trưng Trắc, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.<br>Điện thoại: 0273.3979100 |         |
| 05  | Phan Thành Long  | 01/01/1974          | Nam       | Chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.                                                                                                                                                                                            | Dân dụng và công nghiệp; hạ tầng kỹ thuật | Trên 07 năm                                                           | - nt -                                                                                                                                                    |         |
| 06  | Trần Thanh Trung | 22/9/1978           | Nam       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất lượng thiết kế xây dựng công trình.</li> <li>- Chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.</li> <li>- Chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.</li> </ul> | Hạ tầng kỹ thuật                          | Trên 07 năm                                                           | - nt -                                                                                                                                                    |         |

| STT | Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Lĩnh vực chuyên môn                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                           | Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp | Đơn vị công tác/Địa chỉ liên hệ                                                                                                                           | Ghi chú |
|-----|-------------------|---------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                   |                     |           | Nội dung giám định tư pháp                                                                                                                                                                                                                                                          | Loại công trình giám định tư pháp                         |                                                                       |                                                                                                                                                           |         |
| 07  | Trương Hoài Thanh | 05/01/1978          | Nam       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất lượng thiết kế xây dựng công trình.</li> <li>- Chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.</li> <li>- Chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.</li> </ul> | Dân dụng và công nghiệp; hạ tầng kỹ thuật                 | Trên 07 năm                                                           | Trung tâm Kiến trúc – Quy hoạch và Tư vấn xây dựng Tiền Giang/ Số 79 Trưng Trắc, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.<br>Điện thoại: 0273.3979100 |         |
| 08  | Phạm Phú Phong    | 09/6/1975           | Nam       | Chất lượng khảo sát xây dựng.                                                                                                                                                                                                                                                       | Dân dụng và công nghiệp; hạ tầng kỹ thuật                 | Trên 07 năm                                                           | - nt -                                                                                                                                                    |         |
| 09  | Nguyễn Hữu Tài    | 07/5/1970           | Nam       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng.</li> </ul>                                                                                                                                                         | Dân dụng; giao thông; nông nghiệp và phát triển nông thôn | Trên 07 năm                                                           | Chi nhánh Công ty Cổ phần kỹ thuật Epsan/ Số 7 Nguyễn Bình                                                                                                |         |



| STT | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Lĩnh vực chuyên môn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                               | Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp | Đơn vị công tác/Địa chỉ liên hệ                                                             | Ghi chú |
|-----|--------------------|---------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                    |                     |           | Nội dung giám định tư pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Loại công trình giám định tư pháp                                                             |                                                                       |                                                                                             |         |
|     |                    |                     |           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình.</li> <li>- Chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.</li> <li>- Chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.</li> <li>- Chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.</li> </ul> | Dân dụng;<br>giao thông;<br>nông nghiệp<br>và phát triển<br>nông thôn;<br>hạ tầng kỹ<br>thuật |                                                                       | Khiêm, phường<br>1, thành phố Mỹ<br>Tho, tỉnh Tiền<br>Giang.<br>Điện thoại:<br>0273.3989879 |         |
| 10  | Nguyễn Trung Duyệt | 01/01/1973          | Nam       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng.</li> <li>- Chất lượng thiết kế xây dựng công trình.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                            | Hạ tầng kỹ thuật                                                                              | Trên 07 năm                                                           | - nt -                                                                                      |         |

| STT | Họ và tên       | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Lĩnh vực chuyên môn                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                              | Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp | Đơn vị công tác/Địa chỉ liên hệ                                                                                                            | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                 |                     |           | Nội dung giám định tư pháp                                                                                                                                                                                                                                                          | Loại công trình giám định tư pháp                                                                                                            |                                                                       |                                                                                                                                            |         |
| 11  | Nguyễn Thành Mỹ | 22/5/1990           | Nam       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng.</li> <li>- Chất lượng thiết kế xây dựng công trình.</li> <li>- Chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.</li> </ul> | Dân dụng; giao thông; nông nghiệp và phát triển nông thôn                                                                                    | Trên 07 năm                                                           | Chi nhánh Công ty Cổ phần kỹ thuật Epsan/ Số 7 Nguyễn Bình Khiêm, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.<br>Điện thoại: 0273.3989879 |         |
| 12  | Nguyễn Văn Hạnh | 21/5/1983           | Nam       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng.</li> <li>- Chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.</li> </ul>                                                     | Dân dụng; giao thông; nông nghiệp và phát triển nông thôn<br><br>Dân dụng; giao thông; nông nghiệp và phát triển nông thôn; hạ tầng kỹ thuật | Trên 07 năm                                                           | - nt -                                                                                                                                     |         |



## II. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

| STT | Họ và tên        | Ngày, tháng, năm sinh | Đơn vị công tác | Lĩnh vực chuyên môn | Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn |
|-----|------------------|-----------------------|-----------------|---------------------|----------------------------------------|
| 01  | Nguyễn Minh Cảnh | 25/8/1985             | Sở Công Thương  | Kỹ thuật cơ khí     | 13 năm                                 |
| 02  | Lê Hoàng Phúc    | 30/9/1983             | Sở Công Thương  | Kỹ thuật điện       | 16 năm                                 |

## III. LĨNH VỰC NGÂN HÀNG

| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Đơn vị công tác                              | Lĩnh vực chuyên môn | Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn |
|-----|----------------------|-----------------------|----------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------|
| 01  | Nguyễn Thị Kim Quyên | 10/10/1981            | Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tiền Giang | Tiền tệ - Ngân hàng | 16 năm                                 |
| 02  | Nguyễn Đức Nghị      | 29/09/1989            | Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tiền Giang | Tiền tệ - Ngân hàng | 10 năm                                 |